

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
+ Tiếng Việt: Triết học
+ Tiếng Anh: Philosophy
- Mã học phần: LCML201
- Số tín chỉ: 3
- Đối tượng học: Học viên cao học
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:

| Kiến thức chung | | Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | | <input type="checkbox"/> Thực tập/khóa luận tốt nghiệp |
|--|----------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------|--|
| <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc | <input type="checkbox"/> Tự chọn | <input type="checkbox"/> Bắt buộc | <input type="checkbox"/> Tự chọn | |

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 45 tiết
- + Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - + Bài tập: 0 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 14 tiết
 - + Kiểm tra: 01 tiết

- Thời gian tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Mác - Lênin, Khoa Lý luận Chính trị

2. Mô tả học phần

Triết học là một học phần bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo thạc sĩ. Học phần nhằm trang bị những kiến thức cơ bản của các tư tưởng triết học trong lịch sử, vai trò của của triết học Mác – Lênin trong giai đoạn hiện nay; quan hệ giữa triết học với các khoa học và vai trò của khoa học - công nghệ trong sự phát triển xã hội để rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên trong nhận thức và vận dụng thực tiễn.

3. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu học phần | Mô tả mục tiêu học phần <i>Học phần nhằm cung cấp cho người học:</i> |
|-------------------|---|
| MT1 | Kiến thức về lịch sử triết học, triết học Mác- Lênin, mối quan hệ giữa triết học với khoa học tự nhiên và vai trò của khoa học công nghệ trong sự phát triển kinh tế- xã hội. |
| MT2 | Kỹ năng tư duy theo thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng trong phát hiện, đánh giá và giải quyết những vấn đề thực tiễn Kỹ năng phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm, tự học |
| MT3 | Giá trị lịch sử, lý luận và thực tiễn của các tư tưởng triết học; giá trị khoa học, cách mạng của Triết học Mác-Lênin; giá trị của khoa học - công nghệ trong phát triển kinh tế- xã hội. |

4. Chuẩn đầu ra học phần

| Mục tiêu học phần | CDR học phần | Mô tả chuẩn đầu ra học phần <i>Hoàn thành học phần này, người học thực hiện được:</i> | CDR của CTĐT | Mức độ giảng dạy |
|--------------------------|--------------|--|--------------|------------------|
| <i>CDR về kiến thức:</i> | | | | |
| MT1 | CDR1 | Khái quát hóa được những nội dung cơ bản của các tư tưởng triết học, mối quan hệ giữa triết học với khoa học tự nhiên và vai trò của khoa học công nghệ trong sự phát triển kinh tế- xã hội. | | IT |

| Mục tiêu học phần | CDR học phần | Mô tả chuẩn đầu ra học phần <i>Hoàn thành học phần này, người học thực hiện được:</i> | CDR của CTĐT | Mức độ giảng dạy |
|---|---------------------|---|---------------------|-------------------------|
| <i>CDR về kiến thức:</i> | | | | |
| | CDR2 | Vận dụng được những nội dung cơ bản của các tư tưởng triết học vào thực tiễn | | ITU |
| | CDR3 | Phân tích được những nội dung cơ bản của các tư tưởng triết học, mối quan hệ giữa triết học với khoa học tự nhiên và vai trò của khoa học công nghệ trong sự phát triển kinh tế- xã hội. | | IT |
| | CDR4 | Đánh giá được một số tư tưởng triết học và một số quan điểm hoặc tình huống cụ thể trong thực tiễn cuộc sống trên lập trường triết học Mác-Lênin | | ITU |
| <i>CDR về kỹ năng:</i> | | | | |
| MT2 | CDR5 | Cải thiện kỹ năng tư duy khoa học, logic và biện chứng | | IT |
| | CDR6 | Cải thiện kỹ năng thuyết trình, phản biện, làm việc nhóm và tự học | | IT |
| <i>CDR về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</i> | | | | |
| MT3 | CDR7 | Tích cực bảo vệ những giá trị khoa học và cách mạng của Triết học Mác-Lênin; tin tưởng vào đường lối của Đảng, tự giác thực hiện theo chiến lược phát triển khoa học – công nghệ Việt Nam | | ITU |

5. Tài liệu học tập

5.1. Tài liệu chính

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018) *Giáo trình Triết học* (dùng cho khối không chuyên ngành Triết học trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học tự nhiên, công nghệ), NXB Chính trị Quốc gia.

5.2 Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Giáo trình Triết học* (dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học), Nxb. Chính trị Quốc gia.
- Trần Thị Vân Hoa (2018), *Cách mạng công nghiệp 4.0 - vấn đề đặt ra cho phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội
- Đảng Cộng sản Việt Nam, (2021) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.

6. Các phương pháp dạy và học áp dụng cho học phần

- | | | | | |
|--|---|--|---|---|
| <input checked="" type="checkbox"/> Thuyết trình | <input checked="" type="checkbox"/> Làm việc nhóm | <input type="checkbox"/> Dạy học thực hành | <input type="checkbox"/> Dự án/Đồ án | <input checked="" type="checkbox"/> Phát vấn |
| <input checked="" type="checkbox"/> Thảo luận/Semina | <input type="checkbox"/> Trình bày báo cáo | <input type="checkbox"/> Thí nghiệm | <input type="checkbox"/> Mô phỏng | <input checked="" type="checkbox"/> Phân tích |
| <input type="checkbox"/> Tiểu luận/Bài tập lớn | <input type="checkbox"/> Tình huống | <input type="checkbox"/> Thực tập | <input checked="" type="checkbox"/> Tự học có hướng dẫn | |

7. Nội dung chi tiết học phần

| Nội dung | Hình thức tổ chức dạy học | | | | | | Bài đánh giá | Hoạt động dạy và học |
|---|---------------------------|-----|----------|-----|-----------|--------------|---|----------------------|
| | Lên lớp (tiết) | | | | | Tự học (giờ) | | |
| | LT | BT | TL, HDN | KTr | Tổng | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (6) | (7) | (8) | (10) | (11) |
| CHƯƠNG I: KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC | 11 | | 5 | | 15 | 30 | | |
| 1.1. Triết học là gì? | 1 | | 1 | | 2 | 4 | <p>* Dạy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về đề cương chi tiết học phần; - Tổng quan, giới thiệu và giải thích các khái niệm cơ bản, các nội dung chính của môn học; - Trình bày nội dung về triết học và đối tượng của nó - Phát vấn và thảo luận nhóm về vấn đề cơ bản của triết học <p>* Phương pháp dạy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp thuyết trình và phát vấn: áp dụng khi giảng dạy nội dung về triết học và đối tượng của nó - Phát vấn và thảo luận: áp dụng khi giảng dạy nội dung về vấn đề cơ bản của triết học - Phương pháp tự học: áp dụng cho các nội dung học ở nhà <p>* Học:</p> <p>Học ở lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe, trả lời câu hỏi về triết học và đối tượng của nó - Thảo luận và trình bày kết quả vấn đề cơ bản của triết học <p>Học ở nhà:</p> | |
| 1.1.1. Triết học và đối tượng của nó | 0.5 | | | | 0.5 | 1 | | |
| 1.1.2. Vấn đề cơ bản của triết học | 0.5 | | | | 0.5 | 1 | | |

| Nội dung | Hình thức tổ chức dạy học | | | | | | Bài đánh giá | Hoạt động dạy và học |
|--|---------------------------|----|----------|-----|----------|--------------|---|--|
| | Lên lớp (tiết) | | | | | Tự học (giờ) | | |
| | LT | BT | TL, HDN | KTr | Tổng | | | |
| | | | | | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập nội dung đã học - Nghiên cứu tài liệu chính chương 1, mục 1.2 - Nghiên cứu tài liệu tham khảo 1- chương 1,2; |
| 1.2. Triết học Phương Đông | 3 | | 1 | | 4 | 8 | | <p>* Dạy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày và phân tích các nội dung về triết học phương Đông <p>* Phương pháp dạy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp thuyết trình, phân tích và phát vấn: áp dụng khi giảng dạy nội dung về triết học phương Đông - Phương pháp tự học: áp dụng cho các nội dung học ở nhà <p>* Học:</p> <p>Học ở lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đưa ra ý kiến nhận xét về triết học Ấn Độ cổ đại và triết học Trung hoa cổ đại <p>Học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập nội dung đã học - Nghiên cứu tài liệu chính chương 1, mục 1.3 - Nghiên cứu tài liệu tham khảo 1- chương 2, mục III; |
| 1.2.1 Triết học Ấn Độ cổ đại | 1 | | | | 1 | 2 | | |
| 1.2.2 Triết học Trung hoa cổ đại | 2 | | | | 2 | 4 | <p>A1.1</p> <p>A1.2</p> <p>A1.3</p> <p>A1.4</p> <p>A1.5</p> <p>A1.6</p> <p>A2</p> | |
| 1.3. Tư tưởng triết học Việt Nam | 3 | | 2 | | 5 | 10 | | <p>* Dạy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày và phân tích các nội dung về Nho giáo ở Việt Nam, Phật giáo ở Việt Nam - Giới thiệu về Đạo gia và Đạo giáo ở Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh - Tổ chức làm việc nhóm về mối quan hệ tam giáo trong lịch sử tư tưởng Việt Nam <p>* Phương pháp dạy:</p> |
| 1.3.1 Nho giáo ở Việt Nam | 0.5 | | | | 0.5 | 1 | A1.2 | |
| 1.3.2 Phật giáo ở Việt Nam | 0.5 | | | | | | A1.3 | |
| 1.3.3 Đạo gia và Đạo giáo ở Việt Nam | 0.5 | | | | 0.5 | 1 | A1.4 | |
| 1.3.4 Mối quan hệ tam giáo trong lịch sử tư tưởng Việt Nam | 1 | | | | 1 | 2 | A1.5 | |
| 1.3.5 Tư tưởng Hồ Chí Minh | 0.5 | | | | 0.5 | 1 | A1.6 | |

| Nội dung | Hình thức tổ chức dạy học | | | | | | Bài đánh giá | Hoạt động dạy và học |
|---|---------------------------|----|----------|-----|----------|--------------|--------------|---|
| | Lên lớp (tiết) | | | | | Tự học (giờ) | | |
| | LT | BT | TL, HDN | KTr | Tổng | | | |
| | | | | | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp thuyết trình, phân tích và phát vấn: áp dụng khi giảng dạy nội dung về Nho giáo ở Việt Nam, Phật giáo ở Việt Nam - Phương pháp thuyết trình và phát vấn: áp dụng khi giảng dạy về Đạo gia và Đạo giáo ở Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh - Phương pháp làm việc nhóm: áp dụng khi giảng dạy về mối quan hệ tam giáo trong lịch sử tư tưởng Việt Nam - Phương pháp tự học: áp dụng cho các nội dung học ở nhà <p>* Học:</p> <p>Học ở lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe và trả lời câu hỏi về Đạo gia và Đạo giáo ở Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh - Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đưa ra ý kiến nhận xét về Nho giáo ở Việt Nam, Phật giáo ở Việt Nam - Phân chia nhóm thảo luận. - Thảo luận, phân tích và đánh giá được mối quan hệ tam giáo trong lịch sử tư tưởng Việt Nam <p>Học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập nội dung đã học - Nghiên cứu tài liệu chính chương 1, mục 1.4 - Nghiên cứu tài liệu tham khảo 1- chương 3; |
| 1.4. Triết học phương Tây | 4 | | 1 | | 4 | 8 | A1.2 | * Dạy: |
| 1.4.1 Đặc thù của triết học phương Tây | 1 | | | | 1 | 2 | A1.3 | - Trình bày và phân tích các nội dung về triết học phương Tây |
| 1.4.2 Triết học Hi Lạp cổ đại | 1 | | | | 1 | 2 | A1.4 | * Phương pháp dạy: |
| 1.4.3 Triết học Tây Âu thời kỳ phục hưng và cận đại | 0.5 | | | | 0.5 | 1 | A1.5 A1.6 | <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp thuyết trình và phát vấn: áp dụng khi giảng dạy nội dung về triết học phương Tây - Phương pháp tự học: áp dụng cho các nội dung học ở nhà |

| Nội dung | Hình thức tổ chức dạy học | | | | | | Bài đánh giá | Hoạt động dạy và học |
|---|---------------------------|----|----------|-----|-----------|--------------|------------------------------|----------------------|
| | Lên lớp (tiết) | | | | | Tự học (giờ) | | |
| | LT | BT | TL, HDN | KTr | Tổng | | | |
| 1.4.4 Triết học cổ điển Đức | 1 | | | | 1 | 2 | | |
| 1.4.5 Triết học phương Tây hiện đại | 0.5 | | | | 0.5 | 1 | | |
| CHƯƠNG 2. TRIẾT HỌC MÁC- LÊNIN | 10 | | 5 | | 15 | 30 | | |
| 2.1 Sự ra đời của triết học Mác Lênin | 2 | | 1 | | 3 | 6 | | |
| 2.1.1 Điều kiện kinh tế- xã hội | 1 | | | | 1 | 2 | | |
| 2.1.2 Điều kiện kinh tế- xã hội | | | | | | | | |
| 2.1.3 Tiền đề khoa học tự nhiên | | | | | | | | |
| 2.1.4 Những giai đoạn chủ yếu trong sự hình thành và phát triển triết học Mác – Lênin | 0.5 | | | | 0.5 | 1 | A1.2 A1.3 A1.4 A1.5 | |
| 2.1.5 Đối tượng và đặc điểm chủ yếu của triết học Mác – Lênin | 0.5 | | | | 0.5 | 1 | A1.6 | |

*** Học:**
Học ở lớp:
- Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đưa ra ý kiến nhận xét về triết học phương Tây
Học ở nhà:
- Ôn tập nội dung đã học
- Nghiên cứu tài liệu chính chương 2, mục 2.1
- Nghiên cứu tài liệu tham khảo 1- chương 5;

*** Dạy:**
- Trình bày và phân tích các nội dung về điều kiện kinh tế- xã hội, điều kiện kinh tế- xã hội, tiền đề khoa học tự nhiên, những giai đoạn chủ yếu trong sự hình thành và phát triển triết học Mác - Lênin
*** Phương pháp dạy:**
- Phương pháp thuyết trình, phân tích và phát vấn: áp dụng khi giảng dạy nội dung về sự ra đời của triết học Mác- Lênin
- Phương pháp tự học: áp dụng cho các nội dung học ở nhà
*** Học:**
Học ở lớp:
- Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đưa ra ý kiến nhận xét về sự ra đời của triết học Mác- Lênin
Học ở nhà:
- Tự học phân đối tượng và đặc điểm chủ yếu của triết học Mác - Lênin
- Ôn tập nội dung đã học

| Nội dung | Hình thức tổ chức dạy học | | | | | | Bài đánh giá | Hoạt động dạy và học |
|---|---------------------------|----|----------|-----|----------|--------------|---|----------------------|
| | Lên lớp (tiết) | | | | | Tự học (giờ) | | |
| | LT | BT | TL, HDN | KTr | Tổng | | | |
| | | | | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tài liệu chính chương 2, mục 2.2 - Nghiên cứu tài liệu tham khảo 1- chương 6; | |
| 2.2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng | 4 | | 2 | | 6 | 12 | <ul style="list-style-type: none"> * Dạy: <ul style="list-style-type: none"> - Gọi mở và thảo luận các nội dung về hai nguyên lý của phép biện chứng duy vật, các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật - Trình bày và phân tích nội dung các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật * Phương pháp dạy: <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp thuyết trình, phân tích và phát vấn: áp dụng khi giảng dạy nội dung các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật - Phương pháp phát vấn và thảo luận: áp dụng khi giảng dạy các nội dung về hai nguyên lý của phép biện chứng duy vật, các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật - Phương pháp tự học: áp dụng cho các nội dung học ở nhà * Học: <ul style="list-style-type: none"> Học ở lớp: <ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đưa ra ý kiến nhận xét về các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật - Trả lời câu hỏi - Thảo luận, phân tích và đánh giá được các nội dung về hai nguyên lý của phép biện chứng duy vật, các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật Học ở nhà: <ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập nội dung đã học - Nghiên cứu tài liệu chính chương 2, mục 2.3 | |
| 2.2.1 Hai nguyên lý của phép biện chứng duy vật | 1 | | | | 1 | 2 | | |
| 2.2.2 Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật | 1 | | | | 1 | 2 | | |
| 2.2.3 Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật | 1 | | | | 1 | 2 | | |

| Nội dung | Hình thức tổ chức dạy học | | | | | Tự học (giờ) | Bài đánh giá | Hoạt động dạy và học |
|--|---------------------------|----|----------|-----|----------|--------------|--|--|
| | Lên lớp (tiết) | | | | | | | |
| | LT | BT | TL, HDN | KTr | Tổng | | | |
| | | | | | | | | - Nghiên cứu tài liệu tham khảo 1- chương 7,8,9; |
| 2.3. Chủ nghĩa duy vật lịch sử | 4 | | 1 | | 5 | 10 | | <p>* Dạy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày và phân tích các nội dung về học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội - Tổ chức làm việc nhóm nội dung biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất <p>* Phương pháp dạy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp thuyết trình, phân tích và phát vấn: áp dụng khi giảng dạy các nội dung học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội - Phương pháp làm việc nhóm: áp dụng khi giảng dạy nội dung biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất - Phương pháp tự học: áp dụng cho các nội dung học ở nhà <p>* Học:</p> <p>Học ở lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đưa ra ý kiến nhận xét về các nội dung học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội - Phân chia nhóm. - Thảo luận, phân tích và đánh giá được biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất <p>Học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự học nội dung tiến bộ xã hội - Ôn tập nội dung đã học |
| 2.3.1 Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội | 0.5 | | | | 0.5 | 1 | A1.2 A1.3 A1.4 A1.5 A1.6 A2 | |
| 2.3.2 Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất | 1 | | | | 1 | 2 | | |
| 2.3.3 Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng | 1 | | | | 1 | 2 | | |
| 2.3.4 Biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội | 1 | | | | 1 | 2 | | |
| 2.3.5 Tiến bộ xã hội | 0.5 | | | | 0.5 | 1 | | |

| Nội dung | Hình thức tổ chức dạy học | | | | | | Bài đánh giá | Hoạt động dạy và học |
|--|---------------------------|----|----------|-----|----------|--------------|--------------------------------------|--|
| | Lên lớp (tiết) | | | | | Tự học (giờ) | | |
| | LT | BT | TL, HDN | KTr | Tổng | | | |
| | | | | | | | | - Nghiên cứu tài liệu chính chương 2, mục 2.4 |
| 2.4. Triết học Mác – Lênin trong giai đoạn hiện nay | 1 | | 1 | | 2 | 4 | A1.2 A1.3 A1.4 A1.5 A1.6 | <p>* Dạy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày và phân tích nội dung về triết học Mác – Lênin trong giai đoạn hiện nay. <p>* Phương pháp dạy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp thuyết trình, phân tích và phát vấn: áp dụng khi giảng dạy nội dung về triết học Mác – Lênin trong giai đoạn hiện nay. - Phương pháp tự học: áp dụng cho các nội dung học ở nhà <p>* Học:</p> <p>Học ở lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đưa ra ý kiến nhận xét về triết học Mác – Lênin trong giai đoạn hiện nay. <p>Học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập nội dung đã học - Nghiên cứu tài liệu chính chương 3, mục 3.1 |
| 2.4.1 Những biến đổi của thời đại | 0.5 | | | | 0.5 | 1 | | |
| 2.4.2 Vai trò của triết học Mác – Lênin | 0.5 | | | | 0.5 | 1 | | |
| CHƯƠNG 3. MỐI QUAN HỆ GIỮA TRIẾT HỌC VÀ KHOA HỌC TỰ NHIÊN | 5 | | 2 | | 7 | 14 | | |
| 3.1 Mối quan hệ giữa khoa học với triết học | 2 | | 1 | | 3 | 6 | A1.2 A1.3 A1.4 A1.5 A1.6 | <p>* Dạy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gợi mở và thảo luận nội dung về mối quan hệ giữa khoa học với triết học. <p>* Phương pháp dạy:</p> |
| 3.1.1 Triết học không tồn tại tách rời đời sống khoa học và đời sống thực tiễn | 1 | | | | 1 | 2 | | |

| Nội dung | Hình thức tổ chức dạy học | | | | | | Bài đánh giá | Hoạt động dạy và học |
|---|---------------------------|----|----------|-----|----------|--------------|--|---|
| | Lên lớp (tiết) | | | | | Tự học (giờ) | | |
| | LT | BT | TL, HDN | KTr | Tổng | | | |
| 3.1.2 Ý nghĩa của phát minh khoa học đối với Triết học. | 1 | | | | 1 | 2 | A2 | <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp phát vấn và thảo luận: áp dụng khi giảng dạy nội dung về mối quan hệ giữa khoa học với triết học - Phương pháp tự học: áp dụng cho các nội dung học ở nhà <p>* Học:</p> <p>Học ở lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời câu hỏi - Thảo luận, phân tích và đánh giá được mối quan hệ giữa khoa học với triết học <p>Học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập nội dung đã học - Nghiên cứu tài liệu chính chương 3, mục 3.2 - Nghiên cứu tài liệu tham khảo 1- chương 1,2; tài liệu tham khảo 2 – tr5-34 |
| 3.2 Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học | 3 | | 1 | | 4 | 8 | A1.2 A1.3 A1.4 A1.5 A1.6 A2 | <p>* Dạy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày và phân tích nội dung về vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học. <p>* Phương pháp dạy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp thuyết trình, phân tích và phát vấn: áp dụng khi giảng dạy nội dung vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học - Phương pháp tự học: áp dụng cho các nội dung học ở nhà <p>* Học:</p> <p>Học ở lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe, trả lời câu hỏi và đưa ra ý kiến nhận xét về vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học <p>Học ở nhà:</p> |
| Thế giới quan và phương pháp luận | 1 | | | | 1 | 2 | | |
| Triết học là cơ sở để giải thích và định hướng nhận thức và hoạt động của các khoa học | 1 | | | | 1 | 2 | | |
| Nhà khoa học không thể thiếu phương pháp luận triết học sáng suốt dẫn đường | 1 | | | | 1 | 2 | | |

| Nội dung | Hình thức tổ chức dạy học | | | | | | Bài đánh giá | Hoạt động dạy và học |
|--|---------------------------|----|----------|-----|----------|--------------|--------------------------------------|---|
| | Lên lớp (tiết) | | | | | Tự học (giờ) | | |
| | LT | BT | TL, HDN | KTr | Tổng | | | |
| | | | | | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập nội dung đã học - Nghiên cứu tài liệu chính chương 4, mục 4.1 |
| CHƯƠNG 4: VAI TRÒ CỦA KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRONG SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI | 4 | | 2 | | 6 | 12 | | |
| 4.1 Khoa học và công nghệ | 1 | | | | 1 | 2 | A1.2 A1.3 A1.4 A1.5 A1.6 | <ul style="list-style-type: none"> * Dạy: - Gọi mở và trình bày nội dung về khoa học công nghệ. * Phương pháp dạy: - Phương pháp thuyết trình và phát vấn: áp dụng khi giảng dạy nội dung khoa học công nghệ. - Phương pháp tự học: áp dụng cho các nội dung học ở nhà * Học: Học ở lớp: - Lắng nghe, trả lời câu hỏi về khoa học công nghệ.. Học ở nhà: - Ôn tập nội dung đã học - Nghiên cứu tài liệu chính chương 4, mục 4.2 - - Nghiên cứu tài liệu tham khảo 2- chương 1,2; |
| 4.1.1 Khoa học | 0.5 | | | | 0.5 | 1 | | |
| 4.1.2 Kỹ thuật | | | | | | | | |
| 4.1.3 Công nghệ | 0.5 | | | | 0.5 | 1 | | |
| 4.1.4 Cách mạng kỹ thuật, cách mạng công nghệ và cách mạng công nghiệp | | | | | | | | |
| 4.2. Cách mạng khoa học và công nghệ | 2 | | 1 | | 3 | 6 | A1.2 A1.3 A1.4 A1.5 A1.6 | <ul style="list-style-type: none"> * Dạy: - Trình bày và phân tích các nội dung về cách mạng khoa học và công nghệ. * Phương pháp dạy: - Phương pháp thuyết trình, phân tích và phát vấn: áp dụng khi giảng dạy nội dung về cách mạng khoa học và công nghệ - Phương pháp tự học: áp dụng cho các nội dung học ở nhà |
| 4.2.1 Tiến trình phát triển của khoa học, kỹ thuật và công nghệ | 1 | | | | 1 | 2 | | |
| 4.2.2 Bản chất, tác động và các xu hướng cơ bản của cách mạng khoa học và công nghệ | 1 | | | | 1 | 2 | | |

| Nội dung | Hình thức tổ chức dạy học | | | | | | Bài đánh giá | Hoạt động dạy và học |
|--|---------------------------|----|----------|-----|----------|--------------|--------------------|---|
| | Lên lớp (tiết) | | | | | Tự học (giờ) | | |
| | LT | BT | TL, HDN | KTr | Tổng | | | |
| | | | | | | | | <p>* Học: Học ở lớp: - Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đưa ra ý kiến nhận xét về về cách mạng khoa học và công nghệ. Học ở nhà: - Ôn tập nội dung đã học - Nghiên cứu tài liệu chính chương 4, mục 4.3 - Nghiên cứu tài liệu tham khảo 2- chương 4; tài liệu tham khảo 3, tập 2, mục 1</p> |
| 4.3. Khoa học công nghệ Việt Nam | 1 | | 1 | | 2 | 4 | | <p>* Dạy: - Trình bày và phân tích về thành tựu của nền khoa học và công nghệ Việt Nam - Tổ chức làm việc nhóm về nội dung những hạn chế, yếu kém của khoa học công nghệ Việt Nam và những nguyên nhân. * Phương pháp dạy: - Phương pháp thuyết trình, phân tích và phát vấn: áp dụng khi giảng dạy nội dung thành tựu của nền khoa học và công nghệ Việt Nam - Phương pháp làm việc nhóm: áp dụng khi giảng dạy nội dung những hạn chế, yếu kém của khoa học công nghệ Việt Nam và những nguyên nhân - Phương pháp tự học: áp dụng cho các nội dung học ở nhà * Học: Học ở lớp: - Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đưa ra ý kiến nhận xét về thành tựu của nền khoa học và công nghệ Việt Nam - Phân chia nhóm thảo luận.</p> |
| 4.3.1 Thành tựu của nền khoa học và công nghệ Việt Nam | | | | | | | A1.2 | |
| 4.3.2 Những hạn chế, yếu kém của khoa học công nghệ Việt Nam | | | | | | | A1.3 | |
| | | | | | | | A1.4 | |
| 4.3.3 Những nguyên nhân | 1 | | | | 1 | 2 | A1.5 A1.6 A2 | |

| Nội dung | Hình thức tổ chức dạy học | | | | | Tự học (giờ) | Bài đánh giá | Hoạt động dạy và học |
|-----------------|---------------------------|----|-----------|----------|-----------|--------------|--------------|--|
| | Lên lớp (tiết) | | | | | | | |
| | LT | BT | TL, HDN | KTr | Tổng | | | |
| | | | | | | | | -Thảo luận, phân tích và đánh giá được những hạn chế, yếu kém của khoa học công nghệ Việt Nam và những nguyên nhân Học ở nhà: - Ôn tập kiến thức học phần |
| Kiểm tra | | | | 1 | 1 | 2 | | |
| Cộng | 30 | | 14 | 1 | 45 | 90 | | |

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, HDN: Thảo luận, hoạt động nhóm; KTr: Kiểm tra

Ma trận bài học và CDR của học phần:

| STT | Nội dung | CDR của học phần | | | | | | |
|--|---|------------------|------|------|------|------|------|------|
| | | CDR1 | CDR2 | CDR3 | CDR4 | CDR5 | CDR6 | CDR7 |
| CHƯƠNG I: KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC | | | | | | | | |
| 1.1 | 1.1. Triết học là gì? | x | | | | x | | x |
| 1.2 | 1.2. Triết học Phương Đông | x | x | x | x | x | x | x |
| 1.3 | 1.3. Tư tưởng triết học Việt Nam | x | x | x | x | x | x | x |
| 1.4 | 1.4. Triết học phương Tây | x | x | x | x | x | x | x |
| CHƯƠNG 2. TRIẾT HỌC MÁC- LÊNIN | | | | | | | | |
| 2.1 | 2.1. Sự ra đời của triết học Mác Lênin | x | x | x | x | x | x | x |
| 2.2 | 2.2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng | x | x | x | x | x | x | x |
| 2.3 | 2.3. Chủ nghĩa duy vật lịch sử | x | x | x | x | x | x | x |
| 2.4 | 2.4. Triết học Mác – Lênin trong giai đoạn hiện nay | x | x | x | x | x | x | x |
| CHƯƠNG 3. MỐI QUAN HỆ GIỮA TRIẾT HỌC VÀ KHOA HỌC TỰ NHIÊN | | | | | | | | |
| 3.1 | 3.1 Mối quan hệ giữa khoa học với triết học | x | x | x | x | x | x | x |

| STT | Nội dung | CDR của học phần | | | | | | |
|---|--|------------------|------|------|------|------|------|------|
| | | CDR1 | CDR2 | CDR3 | CDR4 | CDR5 | CDR6 | CDR7 |
| 3.2 | 3.2 Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học | x | x | x | x | x | x | x |
| CHƯƠNG 4. VAI TRÒ CỦA KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI | | | | | | | | |
| 4.1 | 4.1. Khoa học và công nghệ | x | x | x | x | x | x | x |
| 4.2 | 4.2. Cách mạng khoa học và công nghệ | x | x | x | x | x | x | x |
| 4.3 | 4.3. Khoa học công nghệ Việt Nam | x | x | x | x | x | x | x |

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần
- Bài tập: Hoàn thành các bài tập theo yêu cầu của giảng viên
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo theo hướng dẫn của giảng viên
- Tham gia thảo luận và hoạt động nhóm
- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

9. Đánh giá kết quả học tập và cho điểm

9.1. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo học chế tín chỉ hiện hành

9.2. Phương thức đánh giá

| Thành phần đánh giá | Điểm đánh giá | Bài đánh giá | | | CDR học phần | Trọng số của điểm đánh giá (%) |
|------------------------|---------------|--------------|-------------------------|-------------------------------|------------------|--------------------------------|
| | | Ký hiệu | Tên bài ^[20] | Trọng số của bài đánh giá (%) | | |
| A1. Đánh giá quá trình | Điểm số 1 | A1.1 | Bài kiểm tra | 60 | CDR1,2,3,4 | 15% |
| | | A1.2 | Bài tập cá nhân | 20 | CDR1,2,3,4,5,6,7 | |
| | | A1.3 | Bài tập nhóm | 20 | CDR1,2,3,4,5,6,7 | |

| | | | | | | |
|---|----------------------------|------|---------------------------|-------------|------------------|------------|
| | | | Tổng | 100% | | |
| | Điểm số 2 | A1.4 | Chuyên cần | 30 | CĐR5,6,7 | 15% |
| | | A1.5 | Thảo luận, phát biểu | 50 | CĐR1,2,3,4,5,6,7 | |
| | | A1.6 | Thái độ học tập | 20 | CĐR5,6,7 | |
| | | | Tổng | 100% | | |
| | Tổng | | | | | 30% |
| A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận | Điểm thi kết thúc học phần | A2 | Bài thi kết thúc học phần | 100 | CĐR1,2,3,4 | 70 |
| | Tổng | | | | | 70% |

Trong đó:

A1.1 - Bài kiểm tra được đánh giá sau khi học xong chương 2

| Mức độ | Các tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng (%) |
|-----------|--|--------------|
| Hiểu | Khái quát hóa được một số nội dung cơ bản trong tư tưởng Phật giáo Ấn Độ cổ đại và Nho Giáo Trung Hoa cổ đại, Giải thích được nguyên lý về sự phát triển, quy luật từ những thay đổi về lượng đến những thay đổi về chất và ngược lại | 40 |
| Áp dụng | Vận dụng được nguyên lý về sự phát triển, quy luật từ những thay đổi về lượng đến những thay đổi về chất và ngược lại để giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn | 20 |
| Phân tích | Phân tích được nguyên lý về sự phát triển, quy luật từ những thay đổi về lượng đến những thay đổi về chất và ngược lại | 20 |
| Đánh giá | Đánh giá được một số nội dung cơ bản trong Phật giáo Ấn Độ cổ đại và Nho Giáo Trung Hoa cổ đại | 20 |

A1.2; A1.3; A1.5 – Bài tập cá nhân, bài tập nhóm (cả ở lớp và ở nhà) và phát biểu, thảo luận được đánh giá thường xuyên

| Mức độ | Các tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng (%) |
|--|---|--------------|
| Về kiến thức | | 60 |
| Hiểu | Khái quát hóa được những nội dung cơ bản trong lịch sử triết học, Triết học Mác-Lênin, mối quan hệ giữa triết học và khoa học tự nhiên và vai trò của khoa học công nghệ trong sự phát triển xã hội Lấy được các ví dụ minh họa cho những quan điểm của triết học Mác -Lênin | 10 |
| Áp dụng | Vận dụng các nội dung lý luận trong triết học Mác để giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn | 20 |
| Phân tích | Lý giải được những nội dung cơ bản trong lịch sử triết học, Triết học Mác-Lênin, mối quan hệ giữa triết học và khoa học tự nhiên và vai trò của khoa học công nghệ trong sự phát triển xã hội So sánh các trường phái triết học trong lịch sử | 20 |
| Đánh giá | Cho ý kiến đánh giá các trường phái triết học trong lịch sử, mối quan hệ giữa triết học và khoa học tự nhiên, vai trò của khoa học công nghệ Việt Nam trong sự phát triển xã hội | 10 |
| Về kỹ năng | | 20 |
| Thành thạo | Phát triển khả năng cá nhân, thích ứng với hoạt động nhóm. | 10 |
| Kỹ xảo | Phát triển và tư duy triết học và khả năng vận dụng vào thực tiễn | 10 |
| Về năng lực tự chủ và trách nhiệm | | 20 |
| Hình thành quan điểm | Tin tưởng vào chủ nghĩa Mác – Lênin và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam | 10 |
| Tiếp thu chủ động | Xác định được trách nhiệm của cá nhân trong học tập và hoạt động thực tiễn | 10 |

A1.4; A1.6 – Chuyên cần và thái độ học tập được đánh giá xuyên suốt cả quá trình học tập môn học

| Mức độ | Các tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng (%) |
|---|--|--------------|
| Cầu thị | Đi học đầy đủ, lắng nghe, có phản hồi tích cực về nội dung bài giảng | 30 |
| Cởi mở | Tham gia tích cực giờ học trên lớp, tích cực làm bài tập cá nhân và nhóm, giúp đỡ bạn bè hoàn thành bài tập, chia sẻ với thầy cô và bạn bè về kiến thức và thông tin liên quan đến môn học | 20 |
| Đưa ra đề xuất | Có những ý kiến đóng góp cho bài học trên lớp và bài tập nhóm | 30 |
| Hình thành quan điểm và tiếp thu chủ động | Có quan điểm rõ ràng, độc lập, khoa học trong việc tiếp nhận kiến thức môn học, chủ động tìm kiếm thông tin liên quan đến môn học | 20 |

A3 - Bài thi kết thúc học phần

| Mức độ | Các tiêu chí đánh giá | Tỷ trọng (%) |
|---------------|--|---------------------|
| Hiểu | Khái quát hóa được những nội dung cơ bản về Phật giáo Ấn Độ cổ đại, Nho Giáo Trung Hoa cổ đại, mối quan hệ giữa triết học và khoa học tự nhiên, những thành tựu, hạn chế của khoa học công nghệ Việt Nam và nguyên nhân của nó. Giải thích được nguyên lý về mối liên hệ phổ biến và nguyên lý về sự phát triển, cặp phạm trù các cặp phạm trù cái chung – cái riêng và nguyên nhân – kết quả, các quy luật từ những thay đổi về lượng đến những thay đổi về chất và ngược lại, biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. | 40 |
| Áp dụng | Vận dụng nguyên lý về mối liên hệ phổ biến và nguyên lý về sự phát triển, các cặp phạm trù cái chung – cái riêng và nguyên nhân – kết quả, các quy luật từ những thay đổi về lượng đến những thay đổi về chất và ngược lại, biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất để giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn | 20 |
| Phân tích | Phân tích nguyên lý về mối liên hệ phổ biến và nguyên lý về sự phát triển, cặp phạm trù các cặp phạm trù cái chung – cái riêng và nguyên nhân – kết quả, các quy luật từ những thay đổi về lượng đến những thay đổi về chất và ngược lại, biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, mối quan hệ giữa triết học và khoa học tự nhiên, những thành tựu, hạn chế của khoa học công nghệ Việt Nam và nguyên nhân của nó | 20 |
| Đánh giá | Đánh giá các nội dung cơ bản trong tư tưởng triết học Phật giáo Ấn Độ cổ đại, Nho Giáo Trung Hoa cổ đại. | 20 |

9.3. Kết quả đánh giá học phần

Điểm tổng kết học phần là tổng điểm của các Rubric thành phần nhân với trọng số tương ứng của từng Rubric.

